

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối
với cá các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 8409/TTr-BKH ngày 15 tháng 11 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010 (gồm các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 18 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị với nội dung sau:

1. Một số mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2010:

- Tốc độ tăng trưởng GDP của Vùng đạt bình quân hàng năm từ 12 - 13%;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 3 - 4%, thực hiện xoá đói giảm nghèo bền vững, không để tái đói nghèo;
- Giải quyết việc làm mới cho từ 12 - 14 vạn lao động/năm;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 25 - 30%;
- Tổng diện tích rừng đạt khoảng 3,54 triệu ha (rừng phòng hộ 95 vạn ha), nâng độ che phủ rừng đạt 65%;
- Tỷ lệ dân dùng nước sạch ở thành phố 95%; ở nông thôn 80%.

(Có Phụ lục: một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đến năm 2010 kèm theo).

2. Nhiệm vụ trọng tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực chủ yếu.

a) Ngành công nghiệp

Tập trung đầu tư một số ngành chủ yếu như: chế biến nông, lâm sản, thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng và khai khoáng.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản:

Phát triển ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản là nhiệm vụ trọng tâm của mỗi địa phương trong Vùng từ nay đến năm 2010. Mục tiêu là xây dựng ngành công nghiệp chế biến trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn của Vùng.

Việc xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm sản chủ yếu dựa vào nguồn nguyên liệu sẵn có, khả năng sản xuất của địa phương và phải trên cơ sở quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm chủ yếu của Vùng đã được phê duyệt. Đầu tư thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại để sản phẩm có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Việc phát triển công nghiệp cần đa dạng hóa về quy mô và loại hình sản xuất, kết hợp quy mô vừa và nhỏ, xây dựng cơ sở chế biến tập trung tại các vùng nguyên liệu lớn, khuyến khích phát triển chế biến thủ công hoặc sơ chế theo hộ gia đình đối với những loại sản phẩm đơn giản, sản xuất ở vùng xa nhà máy; khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển công nghiệp.

Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp chế biến có điều kiện đầu tư tập trung quy mô lớn như cà phê, cao su, điều, bông, chè, thịt, sữa,... Phần đầu đến năm 2010 có ít nhất 50% sản lượng cà phê tại địa bàn được chế biến thành sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, có thương hiệu để xuất khẩu. Đầu tư nâng cấp thiết bị, đồng bộ hoá dây chuyền đối với những nhà máy sản xuất cao su hiện có và xây dựng mới một số nhà máy để có cơ cấu sản phẩm: mủ cốm chiếm khoảng 45%, mủ kem 20%, mủ cao su kỹ thuật chiếm khoảng 35- 40%; trong đó một phần được sản xuất ra thành sản phẩm chất lượng cao như săm, lốp ô tô, băng tải, ... để thay thế hàng nhập khẩu. Chế biến bông, hạt điều chủ yếu lựa chọn dây chuyền công nghệ hợp lý, đa dạng hoá các sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất. Chế biến chè chủ yếu giữ công suất các nhà máy hiện có, chỉ đầu tư thay đổi thiết bị công nghệ để có trên 70% sản lượng chè đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Tổ chức lại các cơ sở sản xuất đường hiện có đi đôi với việc duy trì sản xuất đường thủ công nhằm đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng của nhân dân địa phương. Chế biến ngô, tinh bột sản phục vụ nhu cầu ăn, chăn nuôi và xuất khẩu phù hợp với vùng nguyên liệu; hạn chế phát triển sản để bảo vệ môi trường và chống xói mòn đất.

Chế biến lâm sản, chủ yếu là gỗ, kể cả việc tận dụng gỗ cây cao su thanh lý hàng năm. Hướng đầu tư chính là sản xuất ván nhân tạo, gỗ ván dăm, đồ mộc tinh chế đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Về thủy điện, tập trung hoàn thành các dự án đang xây dựng, từng bước đa dạng hoá phương thức đầu tư và kinh doanh điện đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp xây dựng các công trình thủy điện với cấp nước sản xuất, sinh hoạt cho đồng bào trong Vùng.

- Tăng cường dịch vụ cơ khí sửa chữa phục vụ cơ giới nông nghiệp, phương tiện vận tải, sản xuất nông cụ, phụ tùng thay thế cho công nghiệp chế biến; phát triển tiểu thủ công nghiệp, sản xuất các mặt hàng truyền thống ở địa phương.

- Đầu tư sớm các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, gạch nung, đá, fenspat,... Khai thác bauxite, sản xuất alumin, tiến tới luyện nhôm, v.v.

b) Ngành nông, lâm nghiệp

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp trên cơ sở bảo vệ, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Vùng. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tập trung thâm canh, tạo sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Về trồng trọt, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm và các loại cây có giá trị kinh tế cao; có chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số xây dựng vườn gia đình để cải thiện và nâng cao dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày.

Nhiệm vụ trọng tâm sản xuất nông nghiệp là tiếp tục phát triển cây công nghiệp dài ngày cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến như cao su, cà phê, điều,... Mục tiêu đến năm 2010 là trồng mới khoảng 10 vạn ha cao su đưa diện tích lên khoảng trên 20 vạn ha; tiếp tục giảm diện tích cà phê ở những nơi thiếu nước, sản xuất kém hiệu quả, để ổn định diện tích khoảng từ 33 - 35 vạn ha, trồng thêm cây điều và các loại cây công nghiệp khác có giá trị kinh tế cao, chú trọng trồng hoa cao cấp ở những nơi có điều kiện phục vụ nhu cầu tại chỗ và xuất khẩu.

- Về chăn nuôi, phấn đấu bình quân mỗi năm đàn trâu tăng 3%, đàn bò tăng 6%, đàn lợn tăng từ 3 - 3,5%. Nhiệm vụ trọng tâm là phát triển đàn bò thịt, bò sữa, hướng tới sản xuất hàng hoá tập trung có chất lượng cao, đến năm 2010 có khoảng 5 nghìn con bò sữa nuôi tập trung theo quy hoạch, cung cấp đủ sữa cho nhà máy chế biến. Khuyến khích hộ gia đình phát triển chăn nuôi gia cầm, nuôi trồng thủy sản ở những nơi có điều kiện.

- Về lâm nghiệp, thực hiện rà soát quy hoạch ba loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng kinh tế, chuyển một phần diện tích rừng phòng hộ sang trồng rừng kinh tế để giao cho dân sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo thu nhập cho người trồng rừng, ưu tiên giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và một bộ phận công nhân sống bằng nghề rừng. Trong 5 năm trồng mới 25 vạn ha rừng, chủ yếu trồng rừng nguyên liệu gỗ và trồng cây công nghiệp lâu năm để tăng độ che phủ; đẩy nhanh việc giao khoán rừng

đặc dụng, rừng phòng hộ cho cộng đồng buôn làng và hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trực tiếp quản lý, bảo vệ, tận thu sản phẩm từ rừng. Phần đầu trong mười năm tới xây dựng ngành lâm nghiệp Tây Nguyên thành Vùng trọng điểm phát triển lâm nghiệp của cả nước. Cùng cố tổ, đội quản chúng bảo vệ rừng ở các buôn, làng thông qua việc nghiên cứu, vận dụng một số cơ chế, chính sách phù hợp để huy động sức mạnh tổng hợp của chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân trong việc bảo vệ rừng; xử lý nghiêm minh nạn khai thác rừng bừa bãi, phòng, chống cháy rừng có hiệu quả, nghiêm chỉnh thực hiện chủ trương đóng cửa rừng ở các tỉnh.

Tiếp tục sắp xếp đổi mới nông trường, lâm trường quốc doanh, chuyển nhiệm vụ của nông trường, lâm trường theo hướng cung cấp dịch vụ đầu vào, đầu ra cho hộ nông dân, trả lại đất cho địa phương để cung cấp đất sản xuất cho dân và tạo việc làm cho người lao động.

Cần lồng ghép các dự án để phát triển nông nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường, góp phần thay đổi phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

c) Ngành thương mại, dịch vụ

Từng bước sắp xếp các loại hình dịch vụ thương mại như chợ, trung tâm thương mại, hợp tác xã cung ứng dịch vụ cho người dân ở cả 3 khu vực thành thị, nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn. Cùng cố cơ sở thu mua hàng xuất khẩu, chú ý những mặt hàng truyền thống chế biến từ nguyên liệu tại chỗ. Ưu tiên phát triển ngành du lịch để giải quyết lao động, việc làm, tăng thu nhập và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Lập quy hoạch và kế hoạch phát triển các khu kinh tế cửa khẩu biên giới với Lào, Campuchia; tăng cường hợp tác kinh tế đối ngoại vùng biên giới, tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh của Lào và Campuchia nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng hành lang kinh tế Đông - Tây, tăng cường giao lưu giữa các quốc gia trong khu vực để cùng phát triển.

Phát triển hạ tầng bưu chính - viễn thông và công nghệ - thông tin theo hướng đồng bộ, hiện đại, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ.

Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng nhằm góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

d) Khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và cán bộ nghiên cứu cho các cơ sở nghiên cứu khoa học hiện có ở Tây Nguyên để trực tiếp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Vùng.

- Chú trọng việc gìn giữ, bảo vệ cảnh quan, môi trường, thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư. Xử lý tốt chất thải rắn, chất thải

nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải bệnh viện. Nước thải của các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản cần xử lý đạt tiêu chuẩn B trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung. Việc khai thác, chế biến, tuyển quặng cần thực hiện nghiêm ngặt yêu cầu bảo vệ môi trường. Xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (kể cả đình chỉ hoạt động để nhà đầu tư thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường). Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

d) Các lĩnh vực văn hoá - xã hội

- Về giáo dục - đào tạo

Tăng tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tăng cường dạy tiếng Việt và tiếng dân tộc cho học sinh dân tộc tại các trường phổ thông; triệt để chống tái mù ở các xã vùng sâu, vùng xa.

Đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý doanh nghiệp, cán bộ, nhân viên các ngành kinh tế, xã hội, nhất là người dân tộc thiểu số. Tất cả cán bộ xã, buôn, làng cần phải qua các lớp đào tạo trung, ngắn hạn và được cấp chứng chỉ.

Hoàn thành việc xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông, ưu tiên các trường phổ thông dân tộc nội trú ở các huyện, trường học bán trú ở các trung tâm cụm xã, các trường nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật ở các tỉnh.

Xây dựng Trường Đại học Tây Nguyên trở thành Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và là Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học của Vùng.

Đầu tư nâng cấp, kiên cố hoá các trường, lớp học trong Vùng; xây dựng các trường đào tạo nghề theo quy hoạch, các trung tâm dạy nghề cấp huyện để đào tạo nghề cho lao động công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, nông thôn, cho con em đồng bào dân tộc thiểu số. Áp dụng mô hình đào tạo tại chỗ cho người lao động nhằm nâng cao tay nghề để từng bước nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất.

- Về y tế:

Nhiệm vụ trọng tâm ở Tây Nguyên từ nay đến năm 2010 là phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Phân đầu đến năm 2010 bảo đảm 100% số xã có trạm y tế được xây dựng theo chuẩn quốc gia, 80% số xã có bác sĩ, 100% buôn làng có nhân viên y tế và có đủ thuốc thông dụng, trang thiết bị y tế theo danh mục quy định của Bộ Y tế; 95% trẻ em trong độ tuổi quy định được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin; giảm tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng xuống dưới 28%, thanh toán các bệnh phong, bại liệt và bệnh uốn ván ở trẻ sơ sinh; không để những ổ dịch lớn xảy ra. Tăng cường các biện pháp ngăn chặn hiểm họa HIV, AIDS.

Phát triển mạng lưới y tế dự phòng nhằm chủ động phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả; đồng thời, tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch mạng lưới khám, chữa bệnh cho nhân dân ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa; từng bước đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động chăm sóc sức khoẻ nhân dân, giữ vệ sinh môi trường, xây dựng làng văn hoá sức khoẻ.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 225/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cấp bệnh viện huyện và bệnh viện đa khoa khu vực giai đoạn 2005 - 2008 đi đôi với đầu tư mạng lưới phòng khám đa khoa tại các trung tâm cụm xã và trạm y tế xã nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngay tại địa phương cho nhân dân trong Vùng.

- Về văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình:

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc Tây Nguyên; chuyển trọng tâm đầu tư văn hóa - thông tin, thể thao về xã và cộng đồng buôn, làng, ưu tiên xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản. Tăng cường đồng bộ hoạt động văn hoá - thông tin cơ sở.

+ Cải tiến và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình địa phương, tăng cường trang thiết bị, đào tạo nghiệp vụ, xây dựng chương trình để tiếp sóng đài Trung ương, tăng thời lượng phát sóng tiếng dân tộc.

Đầu tư xây dựng các thiết chế phục vụ sinh hoạt văn hoá; trong đó, ưu tiên xây dựng nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng; đầu tư cơ sở vật chất cho ngành thể dục, thể thao, phát thanh, truyền hình,...

e) Phát triển kết cấu hạ tầng của Vùng

+ Về giao thông, tiếp tục phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, lấy đường Hồ Chí Minh là trục chính, phát triển các tuyến đường ngang, đường hành lang Đông - Tây để nối với các vùng xung quanh và các nước trong khu vực. Mục tiêu đến năm 2010 nhựa hoá các tuyến đường đến huyện, 100% xã có đường ô tô vào trung tâm xã; tiếp tục nâng cấp, mở rộng một số sân bay hiện có theo quy hoạch.

+ Nâng cấp và xây dựng các công trình thủy lợi (ưu tiên thủy lợi vừa và nhỏ) để cấp nước tưới và sinh hoạt, kết hợp phát triển thủy điện, chống lũ, du lịch, nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường sinh thái, phấn đấu đến năm 2010 có từ 70 - 80% diện tích cây trồng được tưới.

+ Đầu tư các cơ sở cung cấp nước sạch ở thành phố, thị xã, thị trấn và vùng nông thôn nơi đông dân cư; tiếp tục thực hiện chương trình điện khí hoá nông thôn.

+ Mở rộng các đô thị gắn với nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng đô thị, từng bước thực hiện đô thị hóa các vùng lân cận và nông thôn.

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tiếp tục xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là các tuyến biên giới, vùng sâu, vùng xa, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Củng cố và phát triển các khu kinh tế quốc phòng, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, tạo thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc, tham gia thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước đang triển khai trên địa bàn Tây Nguyên.

g) Công tác tôn giáo và củng cố chính quyền cơ sở

- Các Bộ, ngành, các địa phương tiếp tục quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành, tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn nội dung Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo để đồng bào hành đạo đúng pháp luật. Kiên quyết không để bọn phản động lợi dụng tự do tín ngưỡng gây mất trật tự trị an ở Tây Nguyên. Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sức mạnh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nhiệm vụ trọng tâm hiện nay của các tỉnh Tây Nguyên là củng cố chính quyền cơ sở. Các tỉnh cần củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị từ buôn, làng theo hướng tự quản. Đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã. Kết hợp chặt chẽ việc xây dựng, củng cố chính quyền cơ sở với cải cách hành chính, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội cho sát dân hơn.

Điều 2. Tiếp tục thực hiện và bổ sung các cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của Vùng

1. Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách hiện hành để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Vùng, trong đó một số chính sách cần ưu tiên thực hiện đúng tiến độ:

- Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ. Các tỉnh rà soát, bảo đảm hỗ trợ đúng mục tiêu, định mức, đối tượng, công khai, minh bạch. Mục tiêu đến hết năm 2008 giải quyết xong đất sản xuất, đất ở cho đồng bào. Đến năm 2010 toàn bộ các hộ dân trên địa bàn Tây Nguyên có nhà ở từ mức bán kiên cố trở lên.

- Chính sách hỗ trợ các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn theo Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 1998 và Nghị định số 02/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ. Rà soát, điều chỉnh các hoạt động trợ giúp theo hướng giao địa phương chủ động chọn mục tiêu, quản lý chặt chẽ, đưa hàng hóa trực tiếp đến tay người sử dụng.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 231/2005/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp nông, lâm nghiệp nhà nước, ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 150/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chuyên đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản cả nước đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

- Triển khai thực hiện Dự án cấp điện cho các thôn, buôn chưa có điện trên địa bàn Tây Nguyên.

- Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, các đối tượng chính sách khác, hộ sản xuất kinh doanh ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn với lãi suất ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng vi mô khác.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý nhà nước các cấp, nhất là cấp cơ sở. Các ngành có kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý ngành nghề. Các tỉnh Tây Nguyên chịu trách nhiệm thực hiện chính sách đào tạo, sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số tại chỗ, trước hết là thực hiện chính sách sử dụng học sinh sau đào tạo cử tuyển về địa phương công tác để khuyến khích cán bộ, con em đồng bào dân tộc thiểu số tham gia vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các tỉnh, huyện, xã, phường lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của cấp mình, đối tượng ưu tiên hàng đầu là cán bộ người dân tộc thiểu số công tác tại cơ sở xã, phường và đội ngũ trưởng thôn, buôn trực tiếp tổ chức các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư dưới cấp xã theo Quyết định số 34/2006/QĐ-TTg ngày 8 tháng 2 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn là người dân tộc thiểu số giai đoạn 2006 - 2010.

- Tiếp tục thực hiện chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo và người thuộc diện chính sách xã hội theo Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Quyết định số 25/2004/QĐ-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Phát triển

hoạt động văn hóa - thông tin vùng Tây Nguyên đến năm 2010" và Đề án "Nâng cao năng lực phủ sóng truyền thanh cơ sở các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2006 - 2008".

2. Điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách sau:

a) Chính sách về giáo dục, đào tạo

Đối với học sinh học sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông dân tộc nội trú, được ưu tiên cử tuyển vào các trường đại học, dự bị đại học, các trường chuyên nghiệp để tăng cường đội ngũ cán bộ cơ sở, nếu không vào học tại các trường chuyên nghiệp thì được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật phù hợp với yêu cầu thực tế và được bố trí việc làm tại địa phương.

Về chính sách đào tạo, sử dụng và chế độ đãi ngộ đối với cán bộ người dân tộc: tăng cường đội ngũ cán bộ về các xã vùng sâu, vùng xa thông qua việc tuyển chọn một số sinh viên, học sinh tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp (ưu tiên con em đồng bào dân tộc thiểu số) để đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức về pháp luật, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước, nghiệp vụ quản lý kinh tế, vận động quần chúng, công nghệ thông tin nhằm giúp chính quyền cấp xã, huyện phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, bảo đảm trật tự trị an ở địa bàn.

Đối với học sinh người dân tộc thiểu số mới tốt nghiệp ra trường về công tác lâu dài tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tuyển thẳng vào công chức dự bị hưởng lương chính thức ngay, được hưởng phụ cấp khu vực theo quy định hiện hành, hỗ trợ nhà ở, quy định rõ thời hạn tăng cường cơ sở, được tuyển dụng vào cơ quan nhà nước các cấp ở địa phương tỉnh, huyện, xã sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở cơ sở; đối với cán bộ được điều động về công tác tại xã đặc biệt khó khăn được tăng phụ cấp lương, lên lương trước thời gian quy định 1 năm, được hỗ trợ nhà ở.

b) Chính sách sử dụng nguồn nhân lực

Các doanh nghiệp tự tuyển dụng lao động và tự đào tạo lao động vào làm việc ổn định tại doanh nghiệp thì được Nhà nước trợ cấp một khoản kinh phí bằng mức trợ cấp kinh phí đào tạo nghề cho doanh nghiệp để tự tổ chức dạy nghề cho người lao động mới.

Giáo viên, thầy thuốc đến làm việc lâu dài tại các thôn, bản ở các xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ giải quyết nhà ở; những người xây dựng gia đình hoặc đưa gia đình đến cùng sinh sống tại chỗ bằng nghề nông thì được cấp đất sản xuất, đất ở, hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ. Các nhà giáo được hưởng ưu đãi theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt và ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Các cơ chế, chính sách đặc thù

- Nâng mức hỗ trợ vốn ngân sách trung ương tối đa không quá 70 tỷ đồng cho việc đầu tư khu công nghiệp đối với các địa phương đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 183/2004/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả đường gom hoặc đường, cầu vào khu công nghiệp).

- Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương để xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp không quá 6 tỷ đồng/cụm và không quá 70 tỷ đồng cho 1 tỉnh đến năm 2010.

- Hỗ trợ 100% vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý đối với các dự án đáp ứng điều kiện hỗ trợ của Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều chỉnh định mức tiền thuốc và tiêu hao vật tư y tế thông dụng cho các trạm y tế xã, tăng mức phụ cấp cho giáo viên mầm non, mẫu giáo và cán bộ y tế thôn, bản bằng 50% so với mức lương cơ bản. Hỗ trợ chi phí ăn ở, đi lại của bệnh nhân nội trú (được điều trị ở bệnh viện huyện trở lên).

4. Giải pháp đầu tư

a) Về công tác quy hoạch: các Bộ, ngành và địa phương tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020.

b) Công tác kế hoạch đầu tư: thực hiện Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2007 - 2010, trên cơ sở định hướng phát triển của từng ngành, của Vùng và kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 của từng địa phương, từng ngành để bố trí kế hoạch đầu tư hàng năm.

c) Huy động và sử dụng vốn đầu tư

Để thực hiện định hướng kế hoạch và các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên giai đoạn từ nay đến năm 2010, cần huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc các thành phần kinh tế đầu tư trên địa bàn:

- Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA).
- Vốn tín dụng đầu tư.
- Vốn doanh nghiệp nhà nước.
- Vốn doanh nghiệp dân doanh và dân cư.
- Vốn đầu tư nước ngoài.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Ưu tiên vốn ngân sách nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng (hoàn thiện các công trình đang làm; bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng đã xây dựng; xây dựng công trình mới theo đúng quy hoạch). Yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương bố trí kế hoạch hợp lý, đầu tư tập trung, bảo đảm đúng tiến độ và đồng bộ để phát huy hiệu quả các công trình đầu tư, nhất là các công trình như hồ chứa, hệ thống tưới, tiêu, các công trình thủy lợi nhỏ và đường ô tô về xã.

Các Bộ, ngành, các tập đoàn, các tổng công ty, các doanh nghiệp và các địa phương liên quan cần có cơ chế huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài Vùng tham gia đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hạ tầng kinh tế - xã hội ở vùng Tây Nguyên.

Các ngân hàng tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và dân cư trong Vùng vay vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh đặc biệt là vốn ưu đãi đầu tư để phát triển công nghiệp chế biến trên địa bàn Tây Nguyên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các tỉnh Tây Nguyên xác định việc thực hiện Quyết định này là nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn từ nay đến năm 2010 của chính quyền các cấp, gắn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh với kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 về phát triển kinh tế - xã hội và định hướng đến năm 2020 của vùng Tây Nguyên, nhằm cụ thể hoá thành các chương trình, kế hoạch của các ngành, các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể để tổ chức thực hiện; thường xuyên phối hợp hoạt động với các Bộ, ngành và các địa phương (các cán bộ giáo dục, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các lực lượng biên phòng, các đoàn kinh tế Quân đội nhân dân Việt Nam làm việc trên địa bàn để làm công tác định canh, định cư, xây dựng nếp sống văn hoá, thực hiện xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở...) trong Vùng tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch theo mục tiêu, nội dung Quyết định này.

2. Các Bộ, ngành chủ trì, phối hợp với các tỉnh Tây Nguyên tổ chức chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án cụ thể thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, ngành theo mục tiêu, nội dung của Quyết định này. Tiến hành rà soát lại các cơ chế, chính sách thuộc phạm vi của ngành trên địa bàn, bổ sung sửa đổi cho phù hợp; kiến nghị với Chính phủ sửa đổi cơ chế, chính sách chồng chéo không còn phù hợp, ban hành bổ sung những chính sách mới nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững, ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

3. Các Bộ, ngành, địa phương định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Quyết định này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Hàng năm Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong vùng Tây Nguyên sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Quyết định này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Tây Nguyên và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng